

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 739 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật
Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện các Công văn: số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016 về việc đầu tư sửa chữa, hoàn trả một số tuyến đường giao thông nội thị bị hư hỏng do thực hiện dự án và xây dựng hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn; số 4872/UBND-CN ngày 17/5/2016 về việc điều chỉnh phương án thiết kế tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hồ Xuân Hương), thuộc dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn; số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016 về việc đầu tư các khu tái định cư và các công trình giao thông kết nối tuyến đường giao thông chính của thị xã Sầm Sơn của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 186/TB-UBND ngày 14/10/2016 về việc thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với lãnh đạo thị xã Sầm Sơn về công tác GPMB dự án Khu đô thị du lịch sinh thái FLC Sầm Sơn giai đoạn 2 và một số dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Sầm Sơn;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn tại Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 07/02/2017; của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 0678/SXD-HĐXD ngày 15/02/2017 (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC), với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC).

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND thị xã Sầm Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Xây dựng Lam Sơn.

6. Lý do và nội dung điều chỉnh:

6.1. Lý do điều chỉnh: Thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại các Công văn: số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016; số 4872/UBND-CN ngày 17/5/2016; số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016 và Thông báo số 186/TB-UBND ngày 14/10/2016.

6.2. Nội dung điều chỉnh và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.2.1. Bổ sung hoàn trả các tuyến đường nội thị và mương tiêu 773 (theo Công văn số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016):

a) Hoàn trả các tuyến đường nội thị:

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Tuyến đường Lê Thánh Tông (đoạn từ Quốc lộ 47 đến đường Ngô Quyền) với tổng chiều dài 624,94m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,0m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Sỹ Dũng) với tổng chiều dài 1.247,55m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,0m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Quốc lộ 47 đến đường Thanh Niên cũ) với tổng chiều 1.437,10m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,0m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Nguyễn Du cũ (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Hoàng Hoa Thám) với tổng chiều 1.017,10m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,0m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Thanh Niên cũ (đoạn từ đường Nguyễn Hồng Lễ đến đường Trần Nhân Tông) với tổng chiều 1.477m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,0m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến Quốc lộ 47) với tổng chiều 717,63m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng Bm= 7,5m; rãnh dọc + bó vỉa $2x(0,98+0,26)m$.

+ Tuyến đường Nguyễn Hồng Lễ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Du) với tổng chiều dài 643,31m: thiết kế chiều rộng mặt đường theo hiện trạng $B_m = 7,5m$; rãnh dọc + bó vỉa $2 \times (0,98 + 0,26)m$.

- Cường độ mặt đường yêu cầu các tuyến đường hoàn trả sử dụng mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} \geq 95Mpa$, thiết kế kết cấu áo đường như sau:

+ Đối với phần mặt đường mở rộng: lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm; lớp đất đắp K98 dày 50cm.

+ Đối với phần tăng cường trên mặt đường cũ: lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m²; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại 1.

- Bó vỉa sử dụng bó vỉa đá, kích thước 26x23x100cm đối với đoạn thẳng, và 26x23x40cm đối với đoạn cong.

- Thoát nước dọc sử dụng muống nắp đan bố trí trên vỉa hè, kích thước $B \times H = 50 \times 70cm$; hệ thống hố thu, hố thăm bố trí khoảng cách trung bình 30m/hố.

b) Muống tiêu 773: nạo vét và kê bờ trái với tổng chiều dài 1.024,72m.

- Quy mô mặt cắt ngang: đáy rộng 3,0m, taluy mái lát 1/1.5.

- Kết cấu kê mái sử dụng tấm lát bê tông đúc sẵn, kích thước 50x50x6cm. Chân khay bằng BTXM đặt trên nền gia cố bằng cọc tre.

6.2.2. Điều chỉnh giảm quy mô tuyến đường Trần Nhân Tông (theo Công văn số 4872/UBND-THKH ngày 17/5/2016):

- Quy mô mặt cắt ngang: chiều rộng nền đường $B_n = 46,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m = 2 \times 14,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{pc} = 8,0$.

- Giải pháp thiết kế: tháo dỡ bó vỉa dải phân cách đã thi công, thiết kế mở rộng mặt đường từ $B_m = 2 \times 8,0m$ thành $B_m = 2 \times 14,0m$; dải phân cách từ $B_{pc} = 20,0m$ thành $B_{pc} = 8,0m$. Giải pháp thiết kế kết cấu áo đường, thoát nước, điện chiếu sáng, vỉa hè cây xanh giữ nguyên theo thiết kế đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015. Bó vỉa dải phân cách giữa tận dụng lại bó vỉa cũ.

6.2.3. Bổ sung hạng mục đường Thanh Niên cải dịch, đoạn từ đường Thu Hồng đến đường Bùi Thị Xuân và tuyến đường Đông Tây 2, đoạn từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Nguyễn Du (theo Công văn số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016):

- Đường Thanh Niên cải dịch (đoạn từ đường Thu Hồng đến đường Bùi Thị Xuân) với tổng chiều dài tuyến bổ sung kéo dài 183,23m. Quy mô mặt cắt ngang; giải pháp thiết kế kết cấu áo đường, thoát nước, điện chiếu sáng, vỉa hè cây xanh tương tự như thiết kế đường Thanh Niên cải dịch (đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đê sông Mã) đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015.

- Đường Đông Tây 2 (đoạn từ đường Thanh niên cải dịch đến đường Nguyễn Du) với tổng chiều dài tuyến bổ sung kéo dài 948,53m. Quy mô mặt cắt ngang; giải pháp thiết kế kết cấu áo đường, thoát nước, điện chiếu sáng, vỉa hè cây xanh tương tự như thiết kế đường Đông Tây 2 (đoạn từ đường Thanh Niên

cải dịch đến đường tiêu 773) đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015.

6.2.4. Điều chỉnh giảm quy mô đầu tư xây dựng đường Thanh Niên cải dịch, đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê Sông Mã (theo Thông báo số 186/TB-UBND ngày 14/10/2016):

- Giảm quy mô mặt cắt từ 43,0m xuống 17,5m. Cụ thể: chiều rộng mặt đường $B_m=9,0m$; chiều rộng vỉa hè $B_h=5,0m + 3,5m$ (đầu tư giai đoạn 1 cơ bản hoàn thiện làn đường phía Đông).

- Cường độ mặt đường yêu cầu điều chỉnh ($E_{yc} \geq 120MPa$), gồm: lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tuổi nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm; lớp đất đắp K98 dày 50cm.

- Hệ thống thoát nước điều chỉnh: sử dụng mương nắp đan bố trí trên vỉa hè, kích thước $B \times H=50 \times 70cm$; hệ thống hố thu, hố thăm bố trí khoảng cách trung bình 30m/hố.

- Vỉa hè điều chỉnh: sử dụng gạch bock kích thước 25x25x5,5cm; lớp VXM dày 2,0cm; lớp cát đệm dày 7,0cm.

- Bó vỉa sử dụng bó vỉa BTXM kích thước 26x23x100cm đối với đoạn thẳng, và 26x23x40cm đối với đoạn cong. Đan rãnh BTXM kích thước 50x30x5cm.

- Hệ thống điện chiếu sáng: không đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6.2.5. Điều chỉnh giảm các hạng mục đường Hồ Xuân Hương kéo dài (đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đê biển, đường Đông Tây 2 (đoạn từ đường Đường tiêu 773 đến đê biển), đường Đông Tây 3 (đoạn từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Hồ Xuân Hương kéo dài): cắt giảm các hạng mục nêu trên theo nội dung Công văn số 14721/UBND-THKH ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6.2.6. Các nội dung khác: giữ nguyên theo như Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

7. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 636.155.964.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí GPMB: 116.202.409.000 đồng;
- Chi phí xây lắp: 372.410.754.000 đồng;
- Chi phí QLDA: 4.099.904.000 đồng;
- Chi phí TVĐTXD: 14.907.391.000 đồng;
- Chi phí khác: 22.509.512.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 106.025.994.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh; Ngân sách nhà nước (nguồn thu tiền cấp

quyền sử dụng đất của các dự án do Công ty cổ phần tập đoàn FLC làm Chủ đầu tư trên địa bàn thị xã Sầm Sơn và các nguồn khác). Riêng chi phí GPMB hạng mục đường Đông Tây 2 (đoạn từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Nguyễn Du) UBND thị xã Sầm Sơn chủ động cân đối kinh phí để thực hiện.

9. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2015-2018

Điều 2. Chủ đầu tư (UBND thị xã Sầm Sơn) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Trong quá trình thực hiện, nghiên cứu tiếp thu và hoàn chỉnh các ý kiến tại Văn bản số 678/SXD-HĐXD ngày 15/02/2017 của Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan.

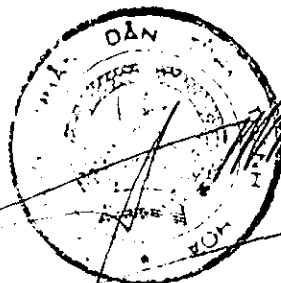
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Sầm Sơn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

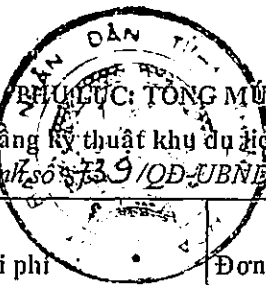
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn



PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dự định sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn
(Kèm theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	CHÊNH LỆCH
			(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
I	Chi phí xây lắp (1+2+3)	Đồng	503.198.595.000	372.410.754.000	-130.787.841.000
1	Phần công việc Giai đoạn I	Đồng	245.384.566.000	82.840.555.000	
1.1	Đường Hồ Xuân Hương kéo dài	Đồng	120.653.707.000	0	
1.2	Đường Đông tây 2 đoạn từ Mường tiêu 773 đến đê biển	Đồng	31.807.492.000	0	
1.3	Mương tiêu 773	Đồng	23.973.631.000	13.890.819.000	
1.4	Đường dọc mương 773	Đồng	19.158.907.000	19.158.907.000	
1.5	Trạm xử lý nước thải	Đồng	49.790.829.000	49.790.829.000	
2	Phần công việc giai đoạn 2	Đồng	257.814.029.000	140.016.952.000	
2.1	Đường thanh niên cải dịch (Từ đường Bùi Thị Xuân đến đê sông Mã)	Đồng	167.376.430.000	135.358.803.000	
2.2	Phần giảm trừ tuyến đường Thanh Niên cải dịch (đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê Sông Mã theo TB số 186/TB-UBND ngày 14/11/2016)	Đồng		-68.784.834.000	
2.3	Đường Trần Nhân Tông (Đoạn từ Nguyễn Du đến đường Hồ Xuân Hương)	Đồng	50.785.124.000	42.598.845.000	
2.4	Đường Đông Tây 3 (từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Hồ Xuân Hương)	Đồng	16.721.567.000	0	
2.5	Đường Đông Tây 2 (Từ đường Thanh Niên cải dịch đến mương tiêu 773)	Đồng	22.930.908.000	12.771.587.000	
2.6	Hệ thống điện chiếu sáng giai đoạn 2	Đồng	0	18.072.551.000	
3	Phần dự toán điều chỉnh, bổ sung	Đồng		149.553.247.000	
3.1	Cải tạo, hoàn trả các tuyến đường nội thị (Văn bản số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016)	Đồng		53.070.988.000	
3.2	Phần hoàn thiện mương tiêu 773 (Theo Văn bản số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016)	Đồng		10.082.812.000	
3.3	Đường Đông Tây 2 - từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Nguyễn Du (Theo Văn bản số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016)	Đồng		53.933.412.000	
3.4	Đường Thanh Niên cải dịch - đoạn từ đường Thu Hồng đến Bùi Thị Xuân (Theo Văn bản số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016)	Đồng		9.662.548.000	
3.5	Phần điều chỉnh mở rộng quy mô mặt cắt tuyến đường Trần Nhân Tông (Theo Văn bản số 4872/UBND-CN ngày 17/05/2016)	Đồng		10.280.208.000	
3.6	Phần điều chỉnh giảm quy mô tuyến đường Thanh Niên cải dịch - đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê Sông Mã, mặt cắt 17,5m (Theo Văn bản số 186/TB-UBND ngày 14/10/2016)	Đồng		12.523.279.000	
II	Chi phí Quản lý dự án	Đồng	5.238.297.000	4.099.904.000	-1.138.393.000
1	Chi phí quản lý dự án phần đã phê duyệt	Đồng	5.238.297.000		
2	Chi phí quản lý dự án điều chỉnh, bổ sung	Đồng		4.099.903.846	
III	Chi phí tư vấn xây dựng	Đồng	14.650.605.000	14.907.391.000	256.786.000
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	Đồng	2.049.247.000	2.049.247.000	

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 2203/QĐ-UBND ngày 16/6/2015	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	CHÊNH LỆCH
2	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh ĐAĐT	Đồng		748.940.316	
3	Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC	Đồng	5.481.810.000	3.309.725.000	
4	Chi phí khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (phần điều chỉnh bổ sung)	Đồng		2.140.474.376	
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán	Đồng	420.171.000	258.000.000	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán (phần điều chỉnh bổ sung)	Đồng		136.568.658	
7	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu	Đồng	183.164.000	121.000.000	
8	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu (phần điều chỉnh bổ sung)	Đồng		58.238.234	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	Đồng	4.293.794.000	2.640.000.000	
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình (phần điều chỉnh bổ sung)	Đồng		1.372.966.357	
11	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng, kiểm định chất lượng công trình	Đồng	1.502.828.000	0	
12	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi	Đồng	98.627.000	0	
13	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	Đồng	193.245.000	193.245.000	
14	Chi phí đánh giá tác động môi trường	Đồng	427.719.000	627.719.000	
15	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	Đồng		440.000.000	
16	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	Đồng		811.266.800	
IV	Chi phí khác	Đồng	4.137.201.000	22.509.512.000	18.372.311.000
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Đồng	277.405.000	257.580.000	
2	Chi phí kiểm toán	Đồng	879.489.000	788.640.000	
3	Chi phí bảo hiểm công trình	Đồng	1.585.076.000	1.130.267.263	
4	Thẩm định BVTC	Đồng	51.829.000	0	
5	Thẩm định dự toán	Đồng	48.810.000	0	
6	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	Đồng	45.242.000	45.242.000	
7	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (phần bổ sung)	Đồng		16.794.800	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Đồng	100.000.000	150.000.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Đồng	100.000.000	150.000.000	
10	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	Đồng	400.000.000	0	
11	Chi phí rà phá bom mìn	Đồng	649.350.000	678.000.000	
12	Chi phí hạng mục chung	Đồng	0	19.292.987.689	
V	Chi phí đền bù GPMB	Đồng	76.159.660.000	116.202.409.000	40.042.749.000
VI	Chi phí dự phòng	Đồng	120.676.872.000	106.025.994.000	-14.650.878.000
VII	Tổng cộng	Đồng	724.061.230.000	636.155.964.000	-87.905.266.000